



Working Paper 2023.2.4.2
- Vol 2, No 4

ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN TRÍ TUỆ - MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CHO HOẠT ĐỘNG ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP

Lê Nguyễn Hân Du¹, Nguyễn Thị Thuỳ Dương

Sinh viên K59 Luật Thương mại quốc tế - Khoa Luật

Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Anh Duy

Sinh viên K59 Kinh tế đối ngoại – Viện Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế

Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Hoàng Mỹ Linh

Giảng viên Khoa Luật

Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Định giá Tài sản trí tuệ (TSTT) là một hoạt động tất yếu đối với mọi doanh nghiệp khi muốn tham gia vào thị trường khai thác, thương mại hoá TSTT nhằm mang lại lợi ích tối ưu nhất. Trong thời kỳ hội nhập quốc tế như hiện nay, hoạt động định giá TSTT cũng ngày càng phổ biến bởi nhu cầu của các doanh nghiệp là cao. Tuy nhiên, thực tế vừa qua đã chứng minh các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong việc định giá TSTT. Do đó, bài viết này sẽ bao gồm 3 nội dung: (1) Tổng quan về TSTT và hoạt động định giá TSTT; (2) Đánh giá thực trạng hoạt động này ở Việt Nam; (3) Đề xuất những giải pháp nhằm cải thiện khó khăn trong lĩnh vực này.

Từ khoá: tài sản trí tuệ, định giá, doanh nghiệp

INTELLECTUAL PROPERTY VALUATION - SOME RECOMMENDATIONS FOR INTELLECTUAL PROPERTY VALUATION ACTIVITIES OF ENTERPRISE

Abstract

¹ Tác giả liên hệ, Email: k59.2011610008@ftu.edu.vn

Valuation of intellectual property (IP) is an indispensable activity for all businesses when they want to participate in the market of exploiting and commercializing IP to bring about the most optimal benefits. In the current period of international integration, asset valuation is also increasingly popular because the needs of businesses are high. However, recent reality has proved that enterprises still face many difficulties in valuing IP. Therefore, this article will include 3 parts: (1) The overview of IP and valuation activities of IP; (2) Assess the current status of this activity in Vietnam; (3) Propose solutions to improve difficulties in this field.

Key words: intellectual property, valuation, business

1. Lời mở đầu

Trong quá trình tạo ra giá trị của doanh nghiệp thì tài sản trí tuệ (TSTT) đóng một vai trò rất quan trọng, là thước đo hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt trong xu thế hội nhập kinh tế và đẩy mạnh kinh tế sáng tạo như ngày nay, TSTT ngày càng trở thành một nguồn vốn quan trọng của doanh nghiệp và là một công cụ quan trọng giúp các nhà kinh doanh tiếp cận được nguồn vốn để đầu tư vào chiến lược kinh doanh của mình, do đó việc định giá TSTT ngày càng trở nên tất yếu, là việc làm hết sức quan trọng, giúp doanh nghiệp nhận thức được giá trị của mình và có đạt được những giá trị tương xứng khi tham gia vào các quan hệ kinh tế. Tuy nhiên, một số vướng mắc về pháp lý và về nhận thức của doanh nghiệp khiến thị trường dịch vụ định giá tài sản trí tuệ chưa phát triển được tới đúng tiềm năng. Do vậy vấn đề **“Định giá tài sản trí tuệ - Một số kiến nghị cho hoạt động định giá tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp”** là một vấn đề rất thiết thực để giúp doanh nghiệp và cơ quan lập pháp tháo gỡ vướng mắc trong phát triển một thị trường định giá hiệu quả.

2. Tổng quan về tài sản trí tuệ của doanh nghiệp

2.1. Tài sản trí tuệ của doanh nghiệp

Trong bối cảnh công nghiệp hoá hiện đại hoá ngày càng diễn ra sôi nổi như hiện nay đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới và sáng tạo nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, để đảm bảo được sự tồn tại và phát triển bền vững thì các doanh nghiệp cần tập trung đầu tư vào tài sản trí tuệ - một nguồn lực mới và quan trọng bậc nhất giúp phát huy tối đa năng lực ngày nay.

2.1.1. Khái niệm và phân loại tài sản trí tuệ của doanh nghiệp

a) Khái niệm tài sản trí tuệ

Theo quan điểm trên thế giới, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) đã định nghĩa tài sản trí tuệ là “sự đề cập đến những sáng tạo của trí óc, chẳng hạn như phát minh; các tác phẩm văn học và nghệ thuật; thiết kế; các biểu tượng, tên và hình ảnh được sử dụng trong thương mại.”

Theo quan điểm tại Việt Nam, tài sản trí tuệ là “các sản phẩm của hoạt động sáng tạo hoặc đầu tư, bao gồm các ý tưởng (thể hiện dưới dạng các giải pháp kỹ thuật), các sản phẩm sáng tạo văn học nghệ thuật, các kết quả nghiên cứu khoa học, các sáng chế, phần mềm máy tính, nhãn hiệu...” (Nguyễn, 2013).

Nhìn chung, ở Việt Nam, tài sản trí tuệ được hiểu là những sản phẩm được tạo ra thông qua các hoạt động tư duy, sáng tạo của con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội (Dương, 2014). Nó là một bộ phận của tài sản vô hình nhưng có khả năng sinh ra lợi nhuận để

mang lại giá trị lớn cho doanh nghiệp. Có thể nói, tài sản trí tuệ là thước đo sự phát triển, khả năng tồn tại và hiệu quả công việc của doanh nghiệp trong tương lai.

b) Phân loại tài sản trí tuệ

Dựa vào tính chất của tài sản trí tuệ có thể chia thành các nhóm như sau:

Thứ nhất, các sáng tạo về văn học – nghệ thuật như bài văn, bài thơ, âm nhạc, tác phẩm nghệ thuật, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, mỹ thuật ứng dụng,...

Thứ hai, các sáng tạo về kỹ thuật – công nghệ như sáng chế, thiết kế bố trí, phần mềm máy tính, công trình nghiên cứu, dữ liệu tính toán,...

Thứ ba, tài sản trí tuệ trong hoạt động kinh doanh thương mại như bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, dịch vụ, tên miền,...

c) Tài sản trí tuệ của doanh nghiệp

Trong phạm vi bài viết này, tài sản trí tuệ được đề cập tới là những tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Chúng được thể hiện dưới dạng như: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và bí mật kinh doanh (Hò, 2012).

Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên (khoản 12 Điều 4 Luật SHTT 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019).

Khác với sáng chế là biểu hiện của những sáng tạo tiềm ẩn bên trong thì kiểu dáng công nghiệp là hình dạng bên ngoài của sản phẩm thể hiện thông qua hình khối, đường nét, màu sắc hoặc bằng sự kết hợp của những yếu tố này (khoản 13 Điều 4 Luật SHTT 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019).

Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn. Trong khi đó, *mạch tích hợp bán dẫn* là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử (khoản 14, 15 Điều 4 Luật SHTT 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019).

Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau (khoản 16 Điều 4 Luật SHTT 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019).

Tên thương mại là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh (khoản 21 Điều 4 Luật SHTT 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019).

Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể (khoản 22 Điều 4 Luật SHTT 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019).

Bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh (khoản 23 Điều 4 Luật SHTT 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019).

2.1.2. Đặc điểm tài sản trí tuệ của doanh nghiệp

Thứ nhất, tài sản trí tuệ mang tính kiểm soát về mặt không gian, thời gian. Nghĩa là chúng thường chỉ được bảo hộ trong lãnh thổ một nước hoặc lãnh thổ một khu vực – nơi đăng ký và nhận được sự bảo hộ. Ngoài ra, tùy từng tài sản trí tuệ mà thời hạn bảo hộ cũng có giá trị nhất định khác nhau.

Thứ hai, với bản chất là một loại tài sản vô hình thì tài sản trí tuệ của doanh nghiệp là kết quả từ các hoạt động trí óc. Tính vô hình ở đây có thể hiểu là sự tồn tại của tài sản trí tuệ chỉ có thể được con người nhận biết thông qua trí óc (nhận thức) chứ không phải thông qua các giác quan (Nguyễn, 2020). Do đó, nó thường được hiện thực hoá khi đưa vào để gắn lên các sản phẩm trong quá trình sản xuất.

Thứ ba, tính đổi mới và sáng tạo của loại tài sản này thể hiện ở khả năng tái tạo và phát triển, bởi vì tri thức thì không ngừng đổi mới và để thích nghi được với môi trường hội nhập kinh tế ngày nay đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến sản phẩm.

Thứ tư, tài sản trí tuệ có thể định giá bằng tiền và do vậy nó có khả năng trao đổi trên thị trường như một loại hàng hoá. Các doanh nghiệp có thể sử dụng tài sản trí tuệ vào các hoạt động của công ty như góp vốn, mua bán,... nhằm mang lại lợi nhuận.

Thứ năm, tài sản trí tuệ dễ bị sao chép. Đây là điều dễ hiểu bởi bất cứ khi nào một sản phẩm mới vào thị trường và thu hút khách hàng thành công thì chỉ trong một khoảng thời gian không xa, các sản phẩm tương tự đã được sản xuất và cạnh tranh lại với chính sản phẩm gốc và tất nhiên là do nó sẽ mang lại lợi nhuận.

Ngoài ra, phạm vi sử dụng của tài sản trí tuệ cũng không bị giới hạn. Thậm chí tại cùng một thời điểm có thể được nhiều người cùng sử dụng mà không ảnh hưởng đến việc sử dụng của người khác.

2.1.3. Vai trò quan trọng của tài sản trí tuệ đối với các doanh nghiệp

Theo dòng phát triển của đời sống xã hội, tài sản trí tuệ ngày càng chứng thực được sự quan trọng của mình đối với sự hình thành và phát triển của các doanh nghiệp. Sự góp mặt của TSTT có vai trò nổi bật trong sự thúc đẩy hầu hết các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo ra các giá trị kinh tế hữu hình. Tuy vậy nó chỉ thực sự hiệu quả khi tài sản trí tuệ được doanh nghiệp đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và trở thành của riêng doanh nghiệp. Lúc này, quyền sở hữu trí tuệ sẽ giúp hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng một cách hợp pháp trong mọi quá trình của việc phát triển kinh doanh và xây dựng chiến lược cạnh tranh: từ khâu phát triển đến thiết kế sản phẩm, từ cung cấp dịch vụ đến tiếp thị và thậm chí là thu hút nguồn vốn tài chính đến việc xuất khẩu hoặc mở rộng hoạt động kinh doanh ra nước ngoài thông qua các hợp đồng lixăng hoặc nhượng quyền kinh doanh (Nguyễn, 2013).

Thứ nhất, TSTT có thể đề cao giá trị thị trường của doanh nghiệp trong mắt của các nhà đầu tư hoặc các tổ chức tài chính. Có thể kể đến như nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp. Đây là những công cụ marketing đặc lực của doanh nghiệp, hình ảnh doanh nghiệp sẽ được khắc hoạ trong tâm thức người tiêu dùng, từ đó tạo bước đi vững chắc cho doanh nghiệp tới các thị trường mục tiêu, mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm, dịch vụ.

Thứ hai, thông qua hoạt động mua bán, chuyển nhượng hoặc thương mại hoá sản phẩm trí tuệ, doanh nghiệp cũng có thể thu được lợi nhuận cho riêng mình.

Ngoài ra, sự phát triển bền vững của mỗi doanh nghiệp cũng được đảm bảo qua phương tiện tài sản trí tuệ. Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt ngày nay khi mà các doanh nghiệp đều gia tăng sản xuất để mang lại được nhiều lợi ích hơn thì các yếu tố như vốn hay tài nguyên thiên nhiên càng là những nguồn lực bị giới hạn và nguy cơ cạn kiệt ngày càng cao. Lúc này đây, thứ mà các doanh nghiệp coi trọng và đầu tư phát triển nhiều sẽ là TSTT bởi chính khả năng đổi mới, sáng tạo và ưu thế của nó trên thị trường.

2.2. Hoạt động định giá tài sản trí tuệ của doanh nghiệp

2.2.1. Khái niệm và mục đích của việc định giá tài sản trí tuệ

a) Khái niệm định giá tài sản trí tuệ

Như đã phân tích ở trên, TSTT có tiềm năng tạo ra các giá trị quan trọng cho công ty. Nếu như trước đây, nó chỉ chiếm một tỷ lệ khiêm tốn trong tổng tài sản của doanh nghiệp thì ngày nay tỷ lệ này đã tăng lên đáng kể. Tiêu biểu như trong năm 1992, tại Mỹ vốn đầu tư cho các tài sản vô hình đã vượt vốn đầu tư cho các tài sản hữu hình, tỷ lệ này còn tăng lên vượt trội với 38% năm 1982 thì đến năm 2000 con số này đã là 70% (Nguyễn, 2013). Chính bởi sự phát triển vượt trội như vậy của tài sản trí tuệ mà nhu cầu về hoạt động định giá cũng ngày càng gia tăng.

Hiểu một cách chung nhất, định giá tài sản trí tuệ là một quá trình nhằm xác định giá trị của tài sản trí tuệ trong những điều kiện và tại thời điểm nhất định. Nó là loại hoạt động chuyên môn vừa mang tính kinh tế, kỹ thuật vừa mang tính xã hội để định ra một mức giá cụ thể cho mỗi loại tài sản trí tuệ khác nhau làm cơ sở cho các hoạt động của doanh nghiệp trên thị trường.

b) Mục đích hoạt động định giá tài sản trí tuệ

Đối với các doanh nghiệp, hoạt động định giá TSTT thực chất là để nhằm phục vụ cho các hoạt động của công ty như:

Quản lý nội bộ tài sản trí tuệ của doanh nghiệp;

Góp vốn đầu tư, thành lập doanh nghiệp liên doanh;

Xác định những tài sản trí tuệ có tiềm năng phát triển để đầu tư;

Phục vụ cho việc xác định giá trị doanh nghiệp và tài sản trí tuệ mà doanh nghiệp có thể tham gia hoạt động cổ phần hoá hoặc chuẩn bị cho việc phát hành cổ phiếu ra công chúng;

Hoặc chỉ đơn giản là phục vụ cho mục đích chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản trí tuệ đó.

Nói chung, động cơ chủ yếu của hoạt động định giá tài sản là để xác định một cách cụ thể, khách quan giá trị của tài sản, từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra các phương án, kế hoạch và quyết định kinh tế nhằm tối ưu hoá giá trị tài sản.

2.2.2. Chủ thể có thẩm quyền định giá tài sản trí tuệ

Nhìn chung hoạt động định giá tài sản trí tuệ không phải là một hoạt động đơn giản mà nó còn mang tính chuyên môn cao. Do vậy, không phải cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào cũng có thể thực hiện được hoạt động này mà chỉ có những chủ thể có chức năng thẩm định giá mới có quyền được thực hiện và kết quả định giá ra mới nhận được sự công nhận.

Hiện nay, theo quy định của hầu hết nước trên thế giới thì chủ thể có thẩm quyền định giá TSTT rất đa dạng. Có thể kể đến một số chủ thể như sau:

Một là, Cơ quan có thẩm quyền của nhà nước. Đây là chủ thể tất yếu trong hoạt động định giá tài sản trí tuệ bởi việc định giá phải được thực hiện dựa trên tiêu chuẩn do Nhà nước quy định và do vậy, với mỗi loại TSTT khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền của nhà nước cũng khác nhau tùy vào pháp luật nước đó. Nó có thể là cơ quan trực thuộc chính phủ hoặc một bộ, ban, ngành khác.

Hai là, Doanh nghiệp thẩm định giá. Với mỗi quốc gia khác nhau thì điều kiện, tiêu chuẩn để thành lập doanh nghiệp thẩm định giá cũng khác nhau. Tuy nhiên, theo một cách khái quát nhất các doanh nghiệp phải đáp ứng được một số điều kiện cơ bản như vốn góp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, người có chuyên môn thẩm định trong công ty,... thì mới có thể thành lập và hoạt động.

Ba là, Trung tâm Hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ theo quy định về tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ (Trần&Lê, 2021). Đây cũng là một loại hình tổ chức trung gian cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về định giá tài sản trí tuệ nhưng trong lĩnh vực xác định bao gồm kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2.2.3. Tiêu chí định giá tài sản trí tuệ của doanh nghiệp

Vốn dĩ bản chất của tài sản trí tuệ đã là một loại tài sản đặc thù, đổi mới và sáng tạo không ngừng do vậy việc xác định giá trị của nó cũng phải dựa vào những tiêu chí nhất định.

Tiêu chí đầu tiên có thể kể đến là giá thị trường. Đây là một yếu tố tất yếu bởi không chỉ có tài sản trí tuệ mà tất cả mọi loại tài sản khác đã lưu thông trên thị trường thì chắc chắn đều bị chi phối bởi giá cả thị trường, không chỉ trong phạm vi quốc gia mà có thể là cả thế giới.

Tiêu chí thứ hai là thời điểm. Bởi nhu cầu của con người thì luôn có sự thay đổi theo thời gian, có thể ở thời điểm này người mua không có nhu cầu với tài sản đó nhưng chỉ một thời gian ngắn sau nó lại là tài sản được săn đón nhiều và như vậy giá của nó sẽ tăng khi mà các doanh nghiệp đều cạnh tranh để có được nó.

Tiêu chí thứ ba là địa điểm. Tương tự như thời điểm, có thể trong một khu vực địa lý này tài sản trí tuệ đó rất có giá trị nhưng giữa các vùng khác nhau thì nhu cầu cũng có thể khác nhau và chưa chắc ở một nơi khác nó lại mang lại được giá trị cho doanh nghiệp.

Ngoài các tiêu chí trên, một số tiêu chí khác có thể kể đến như mục đích định giá hay tiêu chuẩn thẩm định giá bởi tùy thuộc vào mỗi cơ quan, tổ chức định giá khác nhau mà họ có cách làm việc và quy chuẩn khác nhau, nó có thể không chênh nhau quá nhiều nhưng sự chênh lệch đó vẫn có thể dẫn đến một lợi ích hoặc bất lợi cho doanh nghiệp cần định giá.

2.2.4. Phương pháp định giá tài sản trí tuệ của doanh nghiệp

Thực tế hiện nay trên thế giới có khá nhiều phương thức khác nhau để định giá TSTT. Tuy nhiên có hai nhóm phương pháp chính được sử dụng thường xuyên nhất là phương pháp định lượng và phương pháp định tính.

Đối với phương pháp định lượng là việc dựa vào các dữ liệu số có thể xem xét và đo lường được, có thể kể đến như:

Phương pháp dựa trên thị trường: định giá tài sản trí tuệ nhờ vào việc so sánh, phân tích thông tin của các tài sản tương tự đã có giá giao dịch trên thị trường.

Phương pháp dựa trên chi phí: là việc tập trung vào các chi phí đã thực sự bỏ ra để phát triển một tài sản trí tuệ như chi phí trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu,... Ngoài các chi phí trực tiếp, chi phí để phát triển một TSTT giống hệt hoặc tương tự cũng cần được xem xét.

Phương pháp dựa vào thu nhập: đây là phương pháp được áp dụng phổ biến nhất. Theo đó, việc đánh giá giá trị của tài sản trí tuệ sẽ dựa trên bản chất của TSTT, giá trị của một tài sản trí tuệ được tính toán trên cơ sở lợi ích kinh tế mà tài sản đó mang lại trong quá khứ, hiện tại hoặc dự kiến tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai (Nguyễn, 2013).

Ngoài phương pháp định lượng thì phương pháp định tính cũng được sử dụng trong định giá tài sản trí tuệ. Thay vì dựa trên các dữ liệu số như phương pháp định lượng thì phương pháp này dựa trên việc phân tích các thông tin khác nhau về giá trị cụ thể và tầm quan trọng hiện tại hoặc tiềm ẩn của nó, bao gồm tất cả các khía cạnh có thể tác động đến giá trị của tài sản trí tuệ như mức độ đổi mới công nghệ, phân tích thị trường, quản trị công ty hay thậm chí là vấn đề pháp lý.

3. Thực trạng hoạt động định giá tài sản trí tuệ của doanh nghiệp ở Việt Nam và pháp luật điều chỉnh

3.1. Hoạt động định giá tài sản trí tuệ trong thực tiễn tại Việt Nam

Về nhu cầu của thị trường đối với các dịch vụ định giá tài sản trí tuệ:

Tài sản trí tuệ là một loại tài sản cốt lõi của doanh nghiệp, là thước đo hiệu quả kinh doanh, sức cạnh tranh và khả năng phát triển của doanh nghiệp cả trước mắt và trong tương lai. Tài sản trí tuệ đem lại lợi ích rõ rệt cho doanh nghiệp như: hình thành lợi thế đối với đối thủ cạnh tranh, tạo rào cản thâm nhập thị trường, tăng doanh thu,... Tuy nhiên việc sử dụng dịch vụ định giá tài sản trí tuệ chỉ dùng để phục vụ một số mục đích đặc thù:

Đối với các doanh nghiệp hiện nay, mục đích định giá tài sản trí tuệ thường xảy ra khi làm thương vụ mua bán, chuyển giao công nghệ giữa hai bên hoặc xin cấp phép sử dụng. Định giá tài sản trí tuệ là tất yếu nhằm tạo ra khung giá tham khảo cho các hợp đồng mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A), giúp xác định tiềm lực các bên trong liên doanh, vv.. của doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước. Ngoài ra, báo cáo tài chính theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế cũng sẽ được trở nên minh bạch hơn khi có sự hỗ trợ của việc định giá tài sản trí tuệ; Trong hoạt động vay vốn, hoạt động định giá của các cơ quan chuyên nghiệp là một ý kiến tham chiếu giúp giải quyết các tranh chấp thương mại, là cơ sở để đầu tư, tài trợ hoặc vay vốn cho các doanh nghiệp sở hữu tài sản trí tuệ; Giúp xác định giá trị tính thuế chính xác hơn hay làm căn cứ yêu cầu bồi thường do xâm phạm tài sản trí tuệ và tính phí cấp phép sử dụng tài sản trí tuệ của mình.

Về khả năng đáp ứng của thị trường

Tại Việt Nam, điều kiện thành lập doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định giá đã được thắt chặt, hiện tại chỉ còn 300 doanh nghiệp sau khi nhà nước thắt chặt quy định về thẩm định giá và chỉ có 1460 thẩm định viên về giá được phép hành nghề trên cả nước (Phạm, 2022).

Đối với lĩnh vực cho vay thế chấp bằng quyền sở hữu trí tuệ tại hệ thống các tổ chức tín dụng cũng còn nhiều hạn chế. Theo pháp luật tài sản bảo đảm có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai, mặt khác thừa nhận quyền tài sản là một loại tài sản và là quyền trị giá được bằng tiền, là quyền tài sản đối với các quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và

các quyền tài sản khác. Vì vậy, những sản phẩm phát minh, sáng chế đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ sẽ được xem là tài sản đảm bảo để vay vốn tại các tổ chức tín dụng, tuy nhiên hiện nay doanh nghiệp chỉ có thể vay được vốn theo hình thức thế chấp.

Thiếu thông tin thị trường: So với tài sản hữu hình vốn có thể dễ dàng xác định giá trị thị trường thì thông tin của chúng về giá trị tài sản sở hữu trí tuệ lại rất hiếm.

Tính chủ quan: Việc định giá tài sản sở hữu trí tuệ chịu ảnh hưởng từ tính chủ quan của những nhà định giá và do đó dẫn đến tình trạng không chuẩn xác trong định giá tài sản sở hữu trí tuệ.

Sự biến động của thị trường: Thị trường biến động thường xuyên khiến giá trị tài sản sở hữu trí tuệ đã xác định cũng có thể bị biến động theo những hướng khác nhau.

Bên cạnh đó, giá trị của các tài sản trí tuệ có thể bị giảm sút thậm chí bị mất giá khi phụ thuộc vào sự biến động của thị trường và công nghệ hoặc thời gian bảo hộ cũng như những yếu tố ảnh hưởng đến thị hiếu và lòng tin của người sử dụng vào tài sản trí tuệ đó. Ngoài ra việc đối thủ cạnh tranh thực hiện những hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ như làm hàng giả, hàng nhái cũng sẽ làm giảm sút uy tín cũng như giá trị của tài sản trí tuệ đang được thế chấp. Do đó, sự không ổn định về giá trị của tài sản trí tuệ do các yếu tố nêu trên sẽ gây khó khăn đến quá trình định giá tài sản trí tuệ khi thế chấp cũng như sẽ gây khó khăn đối với bên nhận thế chấp khi sử dụng tài sản trí tuệ nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ thường có nhu cầu vay vốn bằng tài sản trí tuệ, việc định giá tài sản trí tuệ để cho vay cũng gặp nhiều khó khăn: do doanh nghiệp phải thực hiện các chức năng gồm sáng tạo, phát triển công nghệ (có liên quan tới tài sản trí tuệ) và chức năng marketing, kinh doanh (không phụ thuộc vào tài sản trí tuệ) như giáo dục người tiêu dùng về giải pháp kinh doanh nhằm tạo doanh thu khi cho vay định giá giá trị của quyền sở hữu trí tuệ sẽ phụ thuộc vào đánh giá cả đội ngũ công ty.

Thêm một khó khăn khác tác động lớn đến tâm lý người hành nghề thẩm định giá là đội ngũ truyền thông có kiến thức chuyên ngành còn hạn chế, còn ít phân tích và các bài viết về các vụ án có liên quan đến thẩm định giá, ... Trong thời gian gần đây, các vụ án trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, bất động sản có liên quan tới vấn đề tạo giá ảo cũng đã khiến nghề thẩm định giá nhận nhiều danh tiếng xấu từ xã hội.

3.2. Quy định pháp luật Việt Nam về hoạt động định giá tài sản trí tuệ

Pháp luật về định giá tài sản trí tuệ ở Việt Nam nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao trùm nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh doanh, kế toán, khoa học công nghệ...

3.2.1. Quy định pháp luật về các trường hợp cần định giá tài sản trí tuệ

Định giá tài sản trí tuệ phát sinh trong nhiều bối cảnh nên các quy định của pháp luật về vấn đề này rất đa dạng. Các quy định về trường hợp định giá tài sản trí tuệ thường xuất hiện trong các văn bản pháp luật chuyên ngành khác nhau.

Một số trường hợp điển hình có thể kể đến bao gồm:

Xác định giá trị tài sản góp vốn (Điều 34 Luật Doanh nghiệp năm 2020);

Bảo đảm cho giao dịch vay vốn với việc ghi nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và quyền khác phát sinh từ kết quả

nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đối tượng sở hữu trí tuệ (Điều 35 Luật Chuyển giao công nghệ 2017, Điều 11 Nghị định 76/2018/NĐ-CP);

Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ quyền sở hữu trí tuệ có giá trị tài sản (Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định 21/2021/NĐ-CP);

Xác định giá trị tài sản cố định vô hình của doanh nghiệp (Chuẩn mực kế toán số 4 - Quyết định 149/2001/QĐ-BTC);

Xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, của Nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa, chuyển giao quyền sở hữu (Điều 27 Nghị định 126/2017/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 140/2020/NĐ-CP, hướng dẫn bởi Thông tư 46/2021/TT-BTC)

Đối với từng trường hợp, phương pháp xác định giá trị tài sản trí tuệ và đối tượng định giá tài sản trí tuệ được quy định riêng.

3.2.2. Quy định pháp luật Việt Nam về chủ thể có chức năng định giá tài sản trí tuệ

Hiện tại, theo pháp luật Việt Nam có hai chủ thể có chức năng cung ứng dịch vụ định giá tài sản trí tuệ, đó là: Tổ chức kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, và Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ.

a) Tổ chức kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

Định giá tài sản trí tuệ là một ngành nghề kinh doanh dịch vụ có điều kiện, được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể là Luật giá năm 2012 và Nghị định 89/2013/NĐ-CP. Bên cạnh đó, các thẩm định viên cũng phải có đủ điều kiện hành nghề và đạo đức nghề nghiệp quy định tại Thông tư 323/2016/TT-BTC, sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 25/2019/TT-BTC về kiểm tra, đánh giá và giám sát hoạt động thẩm định giá.

b) Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư 16/2014/TT-BKHCN quy định về điều kiện thành lập, hoạt động tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ. Theo đó, đây là tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ xác định giá trị của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ cho chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu, người có quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ và các bên liên quan.

3.2.3. Quy định pháp luật Việt Nam về phương pháp định giá tài sản trí tuệ

Các văn bản pháp luật quy định về phương pháp định giá tài sản trí tuệ bao gồm: Luật giá năm 2012, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, Nghị định 89/2013/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHCN-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính, Hệ thống các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam được ban hành kèm theo các thông tư của Bộ Tài chính bao gồm Thông tư số 158/2014/TT-BTC, Thông tư số 28/2015/TT-BTC, Thông tư số 126/2015/TT-BTC, Thông tư số 122/2017/TT-BTC, Thông tư số 06/2014/TT-BTC.

Có thể thấy, tại Việt Nam, không có văn bản nào quy định trực tiếp phương pháp định giá tài sản trí tuệ mà trên thực tế, tài sản trí tuệ được định giá như một loại tài sản vô hình theo Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13: quy định và hướng dẫn thực hiện công việc định giá tài sản trí tuệ

nhằm mục đích mua bán, chuyển nhượng, thế chấp, hợp nhất kinh doanh, góp vốn, phân chia lợi nhuận, giải quyết tranh chấp, phá sản và các mục đích khác do pháp luật quy định.

Có thể tiếp cận việc thẩm định giá tài sản trí tuệ từ ba khía cạnh:

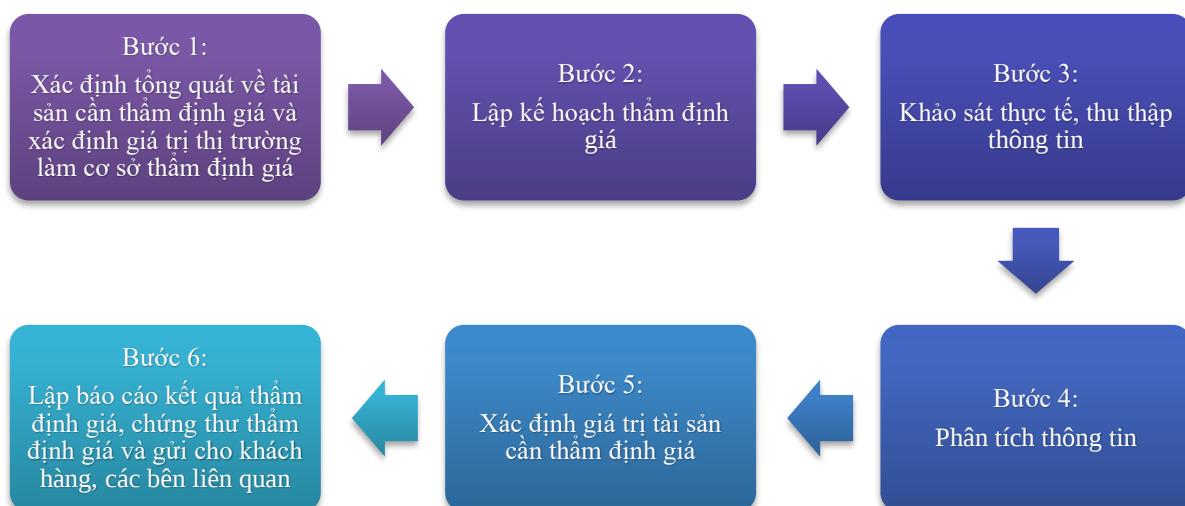
Cách tiếp cận từ thị trường: căn cứ vào việc so sánh, phân tích thông tin giá của các tài sản tương tự đang giao dịch trên thị trường (Mục 9.1)

Cách tiếp cận từ chi phí: căn cứ vào chi phí tái tạo ra tài sản giống với tài sản thẩm định giá hoặc chi phí thay thế để tạo ra một tài sản tương tự có cùng chức năng, công dụng theo giá thị trường hiện hành (Mục 10.1)

Cách tiếp cận từ thu nhập: căn cứ giá trị hiện tại của các khoản thu nhập, các dòng tiền và các chi phí tiết kiệm do tài sản vô hình mang lại (Mục 11.1)

3.2.4. Quy định pháp luật Việt Nam về trình tự định giá tài sản trí tuệ

Hiện tại, Việt Nam chưa có bất kỳ văn bản pháp luật nào quy định trực tiếp về trình tự định giá tài sản trí tuệ mà thực tế được thực hiện theo quy định của Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05 ban hành kèm theo Thông tư 28/2015/TT-BTC.



Hình 1. Quy trình thẩm định giá theo Thông tư 28/2015/TT-BTC

Nguồn: Mục 1 Tiêu chuẩn thẩm định giá số 05 - Quy trình thẩm định giá

3.3. Đánh giá quy định pháp luật Việt Nam về hoạt động định giá tài sản trí tuệ

3.3.1. Ưu điểm

Hành lang pháp lý về tài sản trí tuệ và định giá tài sản trí tuệ đang dần hoàn thiện bằng các nghị định, thông tư, thông tư liên tịch, đặc biệt là về quản lý thẩm định giá.

Những quy định, nguyên tắc chung trong tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam được thừa nhận rộng rãi, có phần khác với chuẩn mực thẩm định giá của một số nước ASEAN và trên thế giới khác, nhưng đây là tiêu chuẩn được các chuyên gia thống nhất và áp dụng cho điều kiện Việt Nam và thông lệ quốc tế.

3.3.2. Hạn chế

Thứ nhất, hiện nay, trong các văn bản pháp luật còn tồn tại sự thiếu nhất quán trong việc sử dụng từ ngữ và cách hiểu “tài sản trí tuệ”. Ở Việt Nam, “tài sản trí tuệ” được hiểu gián tiếp thông qua định nghĩa về Quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Điều 4 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005. Theo quy định này thì tài sản trí tuệ là đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ nếu đáp ứng đủ các điều kiện do pháp luật quy định. Tài sản trí tuệ còn được hiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch 39/2014/TTLT-BKHCN-BTC. Tuy nhiên, dù theo Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 hay theo Thông tư liên tịch 39/2014/TTLT-BKHCN-BTC thì ngoài những đối tượng đã liệt kê, còn có nhiều đối tượng khác cũng là tài sản trí tuệ nhưng không được pháp luật thừa nhận. Ví dụ: phương thức kinh doanh, tổ chức sản xuất, cơ sở dữ liệu khách hàng, bản vẽ thiết kế công trình kiến trúc,...(Đương, 2015). Việc thiếu nhất quán trong việc sử dụng khiến việc nhầm lẫn trong cách hiểu và cách xác định loại tài sản để định giá, và có thể bỏ sót một số tài sản khi định giá tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

Thứ hai, các văn bản pháp luật hiện nay còn tồn tại song song hai thuật ngữ “định giá” và “thẩm định giá”. Xét về nội hàm, hai thuật ngữ này là một, đều chỉ quá trình xác định giá trị của tài sản tại một không gian, thời gian xác định. Trên thực tế, việc các văn bản pháp luật quy định về chủ thể có chức năng định giá lại không thống nhất sử dụng “định giá” hay “thẩm định giá” nên đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp khi tra cứu các quy định pháp luật về định giá. Điều này đã dẫn đến việc hiểu nhầm về chủ thể có chức năng định giá/thẩm định giá.

Thứ ba, ở Việt Nam, các quy định về định giá tài sản trí tuệ còn rất thô sơ, hầu như không có các văn bản quy phạm pháp luật quy định trực tiếp về vấn đề định giá tài sản trí tuệ mà chỉ đề cập đến các quy định dựa trên nguyên tắc tính toán giá trị tài sản vô hình trong đó có tài sản trí tuệ. Luật sở hữu trí tuệ và các luật chuyên ngành cũng không quy định cụ thể về việc xác định giá trị tài sản trí tuệ.

Mặc dù tiêu chuẩn thẩm định số 13 đã bổ sung thêm hành lang pháp lý cho quá trình định giá, nhưng nhìn chung hệ thống tiêu chuẩn định giá vẫn chưa thực sự hiệu quả trên thực tế. Vì chưa có quy chuẩn chung trong việc lựa chọn phương pháp để định giá do đó có thể xảy ra trường hợp cùng một loại tài sản trí tuệ, mỗi nơi lại sử dụng một phương pháp khác nhau và kết quả đưa ra khác nhau.

Hơn nữa, với sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ, có rất nhiều loại tài sản trí tuệ mới ra đời, không nằm trong danh mục những loại tài sản trí tuệ được bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam, do đó dù là dùng phương pháp định giá nào cũng không thể định giá chính xác, chẳng hạn như phương pháp tiếp cận từ thị trường thì không có sản phẩm tương đồng để so sánh, phương pháp tiếp cận từ chi phí thì loại chi phí để tạo ra tài sản đó lại không được ghi nhận là chi phí trong kế toán...

4. Một số kiến nghị cho hoạt động định giá tài sản trí tuệ ở Việt Nam

4.1. Kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật ở Việt Nam

Với những hạn chế còn tồn tại, nhóm tác giả xin góp ý một số kiến nghị nhằm giúp tăng vai trò của pháp luật đối với định giá tài sản trí tuệ như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện các quy định pháp luật về các loại tài sản trí tuệ được định giá. Cụ thể, cần chuẩn hóa thuật ngữ “tài sản trí tuệ” trong các văn bản pháp luật hiện hành để đảm bảo tính thống nhất trong cách hiểu và xác định đúng loại tài sản được định giá. Cần đưa ra khái niệm một cách khái quát và đầy đủ nhất, phù hợp với sự phát triển không ngừng của tài sản trí

tuệ, đảm bảo bao trùm được toàn bộ các loại tài sản trí tuệ đã, đang và sẽ hình thành. Tiếp theo, cần đồng bộ, sửa đổi, bổ sung danh mục các loại tài sản trí tuệ trong các văn bản luật chuyên ngành như pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ, tài chính, các chuẩn mực kế toán,...

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về chủ thể định giá tài sản trí tuệ. Đầu tiên, để tránh doanh nghiệp nhầm lẫn về mặt chủ thể có chức năng định giá và có thể dễ dàng tiếp cận các quy định pháp luật về định giá một cách dễ dàng thì văn bản pháp luật quy định về chủ thể có chức năng định giá cần sử dụng thống nhất thuật ngữ “định giá” hay “thẩm định giá”. Bên cạnh đó, pháp luật cũng cần tiếp tục được đưa ra thêm nhiều văn bản về quản lý, kiểm soát và đánh giá năng lực của các chủ thể thực hiện định giá tài sản trí tuệ bởi đây là công việc cần tính chuyên môn cao, cần kiểm tra, giám sát thường xuyên.

Thứ ba, hoàn thiện các quy định pháp luật về phương pháp định giá tài sản trí tuệ. Pháp luật nên có những văn bản điều chỉnh trực tiếp việc định giá tài sản trí tuệ thay vì định giá tài sản vô hình như trước đó. Có thể thấy việc lựa chọn một phương pháp để định giá là vô cùng khó khăn, cần phải căn cứ vào nhiều yếu tố như mục đích, thời điểm, loại tài sản trí tuệ,... từ đó người thực hiện định giá mới lựa chọn được phương pháp định giá phù hợp. Vì lẽ đó, pháp luật cũng không thể cứng nhắc trong việc áp đặt phương pháp cho những loại tài sản trí tuệ cụ thể mà thay vào đó, pháp luật cần đưa ra những nguyên tắc chính để người thực hiện định giá căn cứ vào đó để lựa chọn. Ngoài ra, để các phương pháp định giá hoạt động hiệu quả, pháp luật cần đưa ra những hướng dẫn cụ thể hơn, cũng như là hoàn thiện hệ thống thông tin để doanh nghiệp hay những người thực hiện hoạt động định giá có thể dễ dàng cập nhật, tham khảo và đối chiếu.

4.2. Kiến nghị cho hoạt động thực thi của cơ quan nhà nước Việt Nam

Trong bối cảnh nền kinh tế phát triển toàn diện cả về chiều sâu và bề ngang như hiện nay thì hoạt động phát triển tài sản trí tuệ chắc chắn sẽ ngày càng quan trọng và thu hút được sự quan tâm rất lớn từ các doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo phân tích ban đầu, dù tài sản trí tuệ của doanh nghiệp là nguồn lực quan trọng trong kinh doanh, để bắt kịp với đòi hỏi ngày càng cao của sự kinh tế tri thức chưa thực sự đáp ứng được: Nhìn chung, các tài sản trí tuệ được phát triển từ tri thức công nghệ của Việt Nam còn ít, giá trị không cao, và chưa có sản phẩm trí tuệ nào có khả năng cạnh tranh mạnh trên thị trường quốc tế (Nguyễn, 2018). Đó là bởi vì đây vẫn còn là một lĩnh vực khá mới mẻ với các doanh nghiệp ở Việt Nam và nhận thức của họ về quyền sở hữu trí tuệ vẫn còn hạn chế. Việc tra cứu thông tin thì khó khăn, chông chéo. Từ đó, đòi hỏi Nhà nước phải có những chiến lược, chính sách tốt hơn trong tương lai nhằm cải thiện tình trạng này.

Thứ nhất, bên cạnh việc hoàn thiện các quy định pháp luật về tài sản trí tuệ, hoạt động sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp trong hoạt động kinh tế cần được Nhà nước tạo điều kiện. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp mới khởi nghiệp – là những doanh nghiệp chiếm số lượng lớn ở nước ta thì cần có những chính sách, chiến lược riêng nhằm giúp đỡ, hỗ trợ trong hoạt động tài sản trí tuệ và sở hữu trí tuệ. Hệ thống thông tin cũng cần được cải thiện, cập nhật kịp thời theo hướng hiện đại hoá, chi tiết hoá, phân loại, sắp xếp một cách khoa học đáp ứng được nhu cầu tiếp cận thông tin của các doanh nghiệp.

Thứ hai, Nhà nước cần tạo thực hiện chính sách để giúp doanh nghiệp bảo vệ giá trị tài sản trí tuệ của mình, cải thiện việc thực thi các quy định pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh. Thực hiện các chính sách chống hàng giả, hàng nhái, xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, phòng, chống hiện tượng gián điệp công nghiệp. Chỉ khi doanh nghiệp cảm thấy tài sản trí tuệ được bảo vệ triệt để thì các hoạt động thương mại hoá tài sản trí tuệ như mua bán chuyển nhượng, thế chấp tài sản trí tuệ... mới được thúc đẩy.

Thứ ba, Nhà nước cần tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến về tài sản trí tuệ cũng như quyền sở hữu trí tuệ dưới nhiều hình thức như các buổi hội thảo, chương trình trực tuyến,... nhằm nâng cao sự hiểu biết về tầm quan trọng của tài sản trí tuệ, từ đó các doanh nghiệp có thể tự xác định và đưa ra cho mình những quyết định kinh tế, chính sách, chiến lược phát huy tốt nhất lợi ích của mình.

Thứ tư, đối với hoạt động định giá tài sản trí tuệ, mặc dù đã có các quy định pháp luật về các tiêu chuẩn chung cho việc thẩm định giá nhưng cũng phụ thuộc rất nhiều vào trình độ của người thực hiện. Do vậy, ngoài việc giúp đỡ doanh nghiệp, bản thân Nhà nước cũng cần chú trọng vào việc bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong chính các cơ quan nhằm thực hiện tốt nhất hoạt động định giá tài sản trí tuệ. Việc này cần phải tổ chức các kế hoạch đầy đủ, bài bản mời các chuyên gia nước ngoài tham gia đào tạo và thực hiện các kỳ thi sát hạch lấy chứng chỉ hành nghề nhằm đảm bảo chất lượng và trình độ không ngừng được nâng cao.

4.3. Kiến nghị cho doanh nghiệp về hoạt động định giá

Dựa trên những khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải trong các vấn đề liên quan tới định giá tài sản trí tuệ: nhóm có một số kiến nghị như sau:

4.3.1. Đối với doanh nghiệp sử dụng dịch vụ định giá tài sản trí tuệ nhằm khai thác tài sản trí tuệ của mình

Thứ nhất, cần nâng cao vai trò của tài sản trí tuệ trong hoạt động tạo giá trị của mình, tăng cường việc xây dựng thương hiệu và vị thế trên thương trường, tạo dựng được thương hiệu - tài sản trí tuệ cơ bản nhất của doanh nghiệp. Các hoạt động như R&D, marketing đều tạo ra các tài sản trí tuệ như bí quyết, bí mật kinh doanh, thương hiệu, những tài sản này đóng góp rất nhiều vào chuỗi giá trị của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tạo ra nhiều giá trị hơn, nâng giá trị sản phẩm của mình mà không cần đầu tư vào cơ sở vật chất. Khi tài sản trí tuệ đóng góp nhiều hơn vào tạo giá trị của doanh nghiệp thì mới tạo ra nhu cầu cho định giá tài sản trí tuệ và giúp doanh nghiệp dễ dàng thương mại hóa tài sản trí tuệ của mình.

Thứ hai, doanh nghiệp cần phải nhận thức đầy đủ về giá trị của tài sản trí tuệ và việc định giá tài sản trí tuệ nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Nhận thức rằng, biết giá trị các tài sản trí tuệ của doanh nghiệp sẽ giúp tránh các phương hại tới lợi ích của doanh nghiệp mình trong thương vụ mua bán sáp nhập, hoạt động cổ phần hóa, liên doanh,... Thực tế cũng cho thấy một trong những rủi ro đối với tổ chức tín dụng cho vay thế chấp tài sản trí tuệ là việc doanh nghiệp làm lộ bí mật kinh doanh bị ăn cắp sáng chế hay làm mất giá trị thương hiệu.

4.3.2. Đối với doanh nghiệp thẩm định giá:

Thứ nhất, cần phát triển hơn dịch vụ định giá tài sản trí tuệ tại Việt Nam. So với nước ngoài, dịch vụ định giá cũng là một nghề còn non trẻ so với các ngành nghề khác và phát triển

sau nhiều nước. Quy mô của thị trường cũng như trình độ định giá công nghệ của Việt Nam vẫn còn một khoảng cách không nhỏ so với các nước trong khu vực Đông Nam Á như Malaysia, Singapore, Thái Lan,... Doanh nghiệp thẩm định giá Việt Nam phải học tập từ kinh nghiệm nước ngoài để cung cấp dịch vụ định giá chân thực nhất, giúp xúc tác các hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

Thứ hai, giống các hoạt động định giá tài sản khác, doanh nghiệp định giá cần tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh là trên hết. Để gia tăng lợi nhuận của các doanh nghiệp thẩm định giá, mỗi doanh nghiệp cần nâng cao đạo đức kinh doanh, không thu hút khách hàng bằng việc lừa dối khách hàng, không thông đồng với khách hàng và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác. Ngoài ra, các doanh nghiệp thẩm định giá cần thông tin chính xác cho khách hàng về thị trường, các doanh nghiệp khác trong cùng ngành thẩm định giá cũng như về khả năng cung cấp dịch vụ của mình, về trình độ, kinh nghiệm của thẩm định viên. Trong hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp thẩm định giá cần hạn chế hạ giá dịch vụ của doanh nghiệp mình để chạy đua về giá với doanh nghiệp khác, và thay vào đó cần tham gia các hình thức đấu thầu, đấu giá, chào giá cạnh tranh, thỏa thuận về giá với khách hàng để gia tăng hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

5. Kết luận

Có thể thấy, tài sản trí tuệ là loại tài sản rất khó để định giá chính xác giá trị của nó. Giá trị của nó phụ thuộc rất nhiều vào thực tế nhu cầu của con người. Nếu nó càng được quan tâm, nó càng được định giá cao, hoặc tùy vào phương pháp áp dụng để định giá tài sản trí tuệ, nó cũng sẽ có những giá trị khác nhau. Ngày nay, khi xã hội ngày càng triển, coi trọng những sản phẩm sử dụng chất xám của con người thì tài sản trí tuệ càng có sức hút mạnh mẽ đối với toàn xã hội. Do đó, hoạt động định giá tài sản trí tuệ lại càng được quan tâm nhiều hơn bao giờ hết. Với những đánh giá và kiến nghị về pháp luật và hoạt động định giá tài sản trí tuệ, nhóm tác giả hy vọng những đề xuất được nêu trong bài viết này sẽ góp thêm ý kiến để hoàn thiện hệ thống pháp luật cũng như khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động đầu tư vào tài sản trí tuệ nhiều hơn nữa.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tài Chính. (2014), Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 - Thẩm định giá tài sản vô hình, Hà Nội.
- Bộ Tài Chính. (2015), Tiêu chuẩn thẩm định giá số 05 - Quy trình thẩm định giá, Hà Nội.
- Dương, T.T.H. (2015), “Pháp luật về giải quyết tranh chấp tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp ở Việt Nam”, https://repository.vnu.edu.vn/flowpaper/simple_document.php?subfolder=12/69/28/&doc=126928671804076430699638647364425848440&bitsid=0bcc458a-1cb2-4c84-9d94-0ac4d5ae52e7&uid= (truy cập ngày 10/10/2022).
- Dương, T.T.N. (2014), “Định giá Tài sản trí tuệ theo pháp luật Việt Nam”, <https://www.slideshare.net/trongthuy3/luan-van-dinh-gia-tai-san-tri-tue-theo-phap-luat-viet-nam-hay> (truy cập ngày 15/10/2022), tr. 13.
- Hồ, T.N. (2012), *Giáo trình Pháp luật Sở hữu trí tuệ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn, H.C. (2018), “Đóng góp của tài sản trí tuệ đối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, Số 7, tr. 20-24.
- Nguyễn, H.C. (2020), *Quản trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp*, Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ, Hà Nội.
- Nguyễn, H.T. (2013), *Tài liệu tập huấn về sở hữu trí tuệ*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Phạm, T.B. (2022), “Bộ Tài chính kiểm soát chặt hoạt động của các doanh nghiệp thẩm định giá”,
https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM221636 (truy cập ngày 24/10/2022)
- Trần, V.N. & Lê, T.N. (2021), “Xác định giá trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam – Thực tiễn áp dụng nhìn từ một vụ chuyển nhượng điển hình”, *Tạp chí pháp luật và thực tiễn*, Số 46, tr. 23-37.
- World Intellectual Property Organization. (n.d.), “*What is Intellectual Property*”, Available at: <https://www.wipo.int/about-ip/en/> (Accessed 6 October 2022).